TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2018/HNGĐ-ST
Ngày 25-01-2018
V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Liêu Chí Khanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Hải Âu.

Ông Nguyễn Văn Hiển.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 25 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 473/2017/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 412/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Ý Kh, sinh năm 1991; địa chỉ: Ấp Ng, xã B, huyện Th, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

Bị đơn: Anh Trương Thành Đ, sinh năm 1990; địa chỉ: Ấp Ph, xã Ch, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Ý Kh khai: Chị và anh Trương Thành Đ tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 18/10/2013 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B. Vợ chồng có hơn ba năm sống hạnh phúc, nhưng anh Đ tính tình gia trưởng, bảo thủ, mọi công việc gia đình anh đều tự quyết định và nhiều lần đánh chị, nên vợ chồng sống ly thân hơn 2 năm nay. Hiện tại chị không còn thương anh Đ nên xin được ly hôn, xin nuôi con

chung là Trương Thị H, sinh ngày 12/8/2014, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng. Thời gian chung sống anh, chị không có tài sản chung và không có nợ chung.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo nội dung chị Kh khởi kiện cho anh Đ, nhiều lần thông báo hòa giải và xét xử, nhưng anh Đ không có ý kiến phản đối, không tham gia hòa giải và xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Trương Thành Đ đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Chị Kh khai mâu thuẫn chủ yếu của vợ chồng là do anh Đ gia trưởng, bảo thủ và nhiều lần đánh chị. Anh Đ không phản đối yêu cầu khởi kiện của chị Kh, không mong muốn được hàn gắn, nên không đến tham gia phiên hòa giải và xét xử. Điều đó cho thấy hôn nhân của anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy Tòa án cần chấp nhận yêu cầu của chị Kh, cho chị Kh được ly hôn với anh Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Kh xin nuôi con, anh Đ không phản đối. Xét thấy cháu H còn nhỏ, cần có sự chăm sóc của mẹ, nên chấp nhận yêu cầu của chị Kh, giao cháu H cho chị Kh nuôi dưỡng là phù hợp. Không buộc anh Đ cấp dưỡng nuôi con, vì chị Kh không có yêu cầu.

[4] Anh, chị không có tài sản chung và nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết các mối quan hệ này.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình: Chị Nguyễn Ý Kh phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 227; của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Ý Kh. Cho chị Nguyễn Ý Kh được ly hôn với anh Trương Thành Đ.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Ý Kh. Giao cháu Trương Thị H, sinh ngày 12/8/2014 cho chị Nguyễn Ý Kh trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Không buộc anh Trương Thanh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trương Thị H.

Anh Trương Thanh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Ý Kh phải chịu là 300.000 đồng. Chị Kh đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm tại biên lai thu tiền số 0009359 ngày 22/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, chị Kh đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

Liêu Chí Khanh